

Số: /2026/NQ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT**Về áp dụng cơ chế đặc thù điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản để tăng công suất khai thác khoáng sản than**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị quyết về áp dụng cơ chế đặc thù cho phép điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản để tăng công suất khai thác khoáng sản than.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này quy định cơ chế đặc thù, rút gọn thủ tục đối với việc điều chỉnh tăng công suất khai thác than nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

2. Nghị quyết áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác than tại Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng cơ chế đặc thù

1. Chỉ áp dụng đối với các mỏ than đang khai thác hợp pháp, còn hiệu lực giấy phép.

2. Không mở rộng diện tích khu vực khai thác; không làm thay đổi trữ lượng được phép khai thác theo giấy phép.

3. Không làm thay đổi cơ bản công nghệ khai thác, không làm gia tăng đáng kể tác động tiêu cực đến môi trường.

4. Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu cốt lõi về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, không tạo lợi thế cạnh tranh không bình đẳng giữa các tổ chức, cá nhân.

Điều 3. Cơ chế đặc thù điều chỉnh công suất khai thác than

1. Cho phép điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản để tăng công suất khai thác than không quá 15% so với công suất ghi trong giấy phép đã cấp.

2. Việc điều chỉnh công suất được thực hiện theo trình tự rút gọn, trên cơ sở:

a) Kế thừa các kết quả thẩm định về đầu tư, môi trường, kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tích hợp, thực hiện đồng thời các nội dung có liên quan trong cùng một quy trình xử lý hồ sơ;

c) Rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thông thường.

3. Không phải thực hiện lại các thủ tục đã được thẩm định, phê duyệt trước đó, trừ trường hợp việc điều chỉnh công suất làm thay đổi đáng kể các yếu tố về môi trường, an toàn hoặc công nghệ khai thác theo quy định của pháp luật.

4. Việc xem xét điều chỉnh công suất không làm thay đổi:

a) Quy hoạch đã được phê duyệt về phạm vi, ranh giới khu vực khai thác;

b) Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu có ảnh hưởng đến an toàn và môi trường.

Điều 4. Điều kiện điều chỉnh công suất

Việc điều chỉnh công suất chỉ được xem xét khi Tổ chức đáp ứng đầy đủ các điều kiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện này:

1. Phù hợp với năng lực thiết bị, công nghệ khai thác hiện có của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản;

2. Có phương án khai thác bảo đảm an toàn, hiệu quả và phù hợp với công suất đề nghị điều chỉnh;

3. Không làm gia tăng đáng kể tác động tiêu cực đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

4. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước phát sinh từ phần công suất tăng thêm theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự thực hiện

1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh công suất khai thác than gồm các tài liệu sau đây:

a) Văn bản đề nghị điều chỉnh công suất khai thác;

b) Phương án khai thác tương ứng với công suất đề nghị điều chỉnh.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện việc điều chỉnh công suất khai thác than được áp dụng theo cơ chế rút gọn do Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, bảo

đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Đơn giản hóa thành phần hồ sơ;
- b) Rút ngắn thời gian xử lý so với quy định thông thường;
- c) Tăng cường phối hợp liên thông giữa các cơ quan có liên quan trong quá trình giải quyết hồ sơ;
- d) Việc hướng dẫn phải bảo đảm không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính ngoài quy định tại Nghị quyết này.

Điều 6. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác

- 1. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước phát sinh từ phần công suất khai thác tăng thêm theo quy định của pháp luật;
- 2. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật có liên quan;
- 3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị điều chỉnh công suất, phương án khai thác và việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình tổ chức thực hiện.
- 4. Chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật trong trường hợp vi phạm các điều kiện quy định tại Nghị quyết này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

- 1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:
 - a) Chủ trì hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này;
 - b) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện; kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các khó khăn, vướng mắc phát sinh và đề xuất giải pháp xử lý.
- 2. Các Bộ: Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Tư pháp và các cơ quan có liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm:
 - a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;
 - b) Kịp thời hướng dẫn, xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.
- 3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:
 - a) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc triển khai Nghị quyết trên địa bàn;
 - b) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.
- 4. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và được thực hiện đến hết ngày ... tháng ... năm 2027.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo quy định mới; các trường hợp đang thực hiện theo Nghị quyết này được tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành, trừ khi pháp luật có quy định khác.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính